VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Quyết định số 325/QĐ-TTg ngày 30 tháng 3 năm 2023 về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

(Tiếp theo Công báo số 659 + 660)

Phụ lục XXIII
DANH MỤC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH ƯU TIÊN ĐẦU TƯ CỦA TỈNH TUYÊN QUANG THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 325/QĐ-TTg ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Danh mục dự án	Địa điểm
I	**CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ**	
1	Thành phố Tuyên Quang	Thành phố Tuyên Quang
2	Đô thị Sơn Dương mở rộng	Huyện Sơn Dương
3	Đô thị Vĩnh Lộc mở rộng	Huyện Chiêm Hóa
4	Đô thị Na Hang mở rộng	Huyện Na Hang
5	Đô thị Tân Yên mở rộng	Huyện Hàm Yên
6	Đô thị Yên Sơn	Huyện Yên Sơn
7	Đô thị Lăng Can	Huyện Lâm Bình
8	Đô thị Mỹ Bằng	Huyện Yên Sơn
9	Đô thị Phù Lưu	Huyện Hàm Yên
10	Đô thị Hòa Phú	Huyện Chiêm Hóa
11	Đô thị Hồng Lạc	Huyện Sơn Dương
12	Đô thị Sơn Nam	Huyện Sơn Dương
13	Đô thị Trung Môn	Huyện Yên Sơn

14	Đô thị Thượng Lâm	Huyện Lâm Bình	
15	Đô thị Phúc Sơn	Huyện Lâm Bình	
16	Đô thị Đà Vị	Huyện Na Hang	
17	Đô thị Yên Hoa	Huyện Na Hang	
18	Đô thị Kim Bình	Huyện Chiêm Hóa	
19	Đô thị Trung Hà	Huyện Chiêm Hóa	
20	Đô thị Ngọc Hội	Huyện Chiêm Hóa	
21	Đô thị Thái Sơn	Huyện Hàm Yên	
22	Đô thị Xuân Vân	Huyện Yên Sơn	
23	Đô thị Trung Sơn	Huyện Yên Sơn	
24	Đô thị Tân Trào	Huyện Sơn Dương	
25	Đô thị Khuôn Hà	Huyện Lâm Bình	
26	Đô thị Hồng Thái	Huyện Na Hang	
II	**DỰ ÁN HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP**	**Địa điểm**	**Ghi chú**
1	KCN Long Bình An	Thành phố Tuyên Quang	Hoàn thiện cơ sở hạ tầng
2	KCN Nhữ Khê - Đội Cấn (KCN bám dọc đường cao tốc Tuyên Quang - Phú Thọ)	Thành phố Tuyên Quang và huyện Yên Sơn	Đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng
3	KCN Tam Đa	Huyện Sơn Dương	Đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng
4	KCN Tân Long	Thành phố Tuyên Quang	Đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng
5	KCN Nhữ Khê	Huyện Yên Sơn	Đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng
6	KCN Nam Sơn Dương	Huyện Sơn Dương	Đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng
7	KCN Thái Sơn - Thành Long	Huyện Hàm Yên	Đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng

III	**DỰ ÁN HẠ TẦNG CỤM CÔNG NGHIỆP**		
1	**Hoàn thiện hạ tầng các cụm công nghiệp đã được thành lập**		
1.1	CCN Phúc Ứng	Huyện Sơn Dương	Hoàn thiện cơ sở hạ tầng
1.2	CCN Tân Thành	Huyện Hàm Yên	Hoàn thiện cơ sở hạ tầng
1.3	CCN An Thịnh	Huyện Chiêm Hóa	Hoàn thiện cơ sở hạ tầng
1.4	CCN Khuôn Phươn	Huyện Na Hang	Hoàn thiện cơ sở hạ tầng
2	**Đầu tư xây dựng hạ tầng các cụm công nghiệp thành lập mới thời kỳ 2021 - 2030**		
2.1	CCN An Hòa - Long Bình An	TP. Tuyên Quang	Đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng
2.2	CCN Thái Long - Lưỡng Vượng	TP. Tuyên Quang	Đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng
2.3	CCN Nhữ Khê	Huyện Yên Sơn	Đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng
2.4	CCN Yên Sơn	Huyện Yên Sơn	Đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng
2.5	CCN Trung Môn	Huyện Yên Sơn	Đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng
2.6	CCN Phú Thịnh	Huyện Yên Sơn	Đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng
2.7	CCN Xuân Vân	Huyện Yên Sơn	Đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng
2.8	CCN Ninh Lai - Thiện Kế	Huyện Sơn Dương	Đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng

2.9	CCN Phúc Ứng 2	Huyện Sơn Dương	Đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng
2.10	CCN Phúc Ứng 3	Huyện Sơn Dương	Đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng
2.11	CCN Tam Đa	Huyện Sơn Dương	Đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng
2.12	CCN Trung Hòa	Huyện Chiêm Hóa	Đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng
2.13	CCN Xuân Quang	Huyện Chiêm Hóa	Đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng
2.14	CCN Yên Nguyên	Huyện Chiêm Hóa	Đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng
2.15	CCN Đức Ninh	Huyện Hàm Yên	Đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng
2.16	CCN Thái Sơn	Huyện Hàm Yên	Đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng
2.17	CCN Phúc Sơn 1	Huyện Lâm Bình	Đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng
2.18	CCN Phúc Sơn 2	Huyện Lâm Bình	Đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng
3	**Đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp đã thành lập, dự kiến mở rộng**		
	CCN Thắng Quân	Huyện Sơn Dương	Đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng
4	**Dự án hạ tầng chuyển khu công nghiệp thành cụm công nghiệp**		
	CCN Sơn Nam	Huyện Sơn Dương	Đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng
IV	**DỰ ÁN PHỤC VỤ DU LỊCH**	**Địa điểm**	**Ghi chú**
1	Khu du lịch Quốc gia Tân Trào	Huyện Sơn Dương, huyện Yên Sơn	Đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng

2	Đầu tư xây dựng hạ tầng Khu du lịch sinh thái Na Hang - Lâm Bình	Các huyện, thành phố	Đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng
3	Khu du lịch suối khoáng Mỹ Lâm	Thành phố Tuyên Quang	Đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng
4	Khu du lịch sinh thái Đồng Man - Lũng Tẩu	Huyện Sơn Dương	Đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng
5	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các điểm du lịch: Xã Hồng Thái, thác Bản Ba, thác Khuôn Nhòa, thôn Cao Đường, thác Lăn, thác Mạ Héc, soi Tình Húc, hang Gió, hang Khâu Lấu, hồ Hoa Lũng, hồ Khởn…	Các huyện, thành phố	Đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng
6	Đầu tư cơ sở hạ tầng các khu du lịch khác	Các huyện, thành phố	Quy mô theo quyết định của cấp có thẩm quyền
V	**DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH KẾT CẤU HẠ TẦNG THỂ DỤC THỂ THAO TỈNH TUYÊN QUANG THỜI KỲ 2021 - 2030**		
1	Khu liên hợp thể thao tỉnh, gồm Nhà thi đấu đa năng, Sân vận động, Khu thể thao dưới nước, Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể dục thể thao và các hạng mục phụ trợ khác	TP. Tuyên Quang	Đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng
2	Trung tâm thể dục thể thao thành phố Tuyên Quang	TP. Tuyên Quang	Đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng
3	Trung tâm thanh thiếu nhi, huyện Sơn Dương; Khu văn hóa, thể dục thể thao huyện Sơn Dương	Huyện Sơn Dương	Đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng
4	Khu văn hóa thể thao huyện Yên Sơn	Huyện Yên Sơn	Đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng

5	Khu văn hóa thể thao huyện Hàm Yên	Huyện Hàm Yên	Đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng
6	Sân vận động huyện Hàm Yên	Huyện Hàm Yên	Đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng
7	Khu thể thao, văn hóa huyện Lâm Bình	Huyện Lâm Bình	Đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng
8	Sân vận động trung tâm và Nhà thi đấu huyện Chiêm Hóa	Huyện Chiêm Hóa	Đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng
VI	**DANH MỤC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ, DỊCH VỤ TỔNG HỢP, NGHỈ DƯỠNG, VUI CHƠI, GIẢI TRÍ, THỂ THAO SÂN GÔN TỈNH TUYÊN QUANG THỜI KỲ 2021 - 2030**		
1	**Các khu hình thành mới trong thời kỳ 2021 - 2030**	**Địa điểm**	**Ghi chú**
1.1	02 khu Tổ hợp dịch vụ tổng hợp, nghỉ dưỡng, vui chơi, giải trí, thể thao sân gôn tại huyện Yên Sơn	Huyện Yên Sơn	Quy mô theo nhu cầu nhà đầu tư và chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền
1.2	01 khu Tổ hợp dịch vụ tổng hợp, nghỉ dưỡng, vui chơi, giải trí, thể thao sân gôn tại huyện Sơn Dương	Huyện Sơn Dương	Quy mô theo nhu cầu nhà đầu tư và chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền
1.3	Khu đô thị nghỉ dưỡng Mỹ Lâm	Thành phố Tuyên Quang	Quy mô theo nhu cầu nhà đầu tư và chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền
1.4	Khu vui chơi giải trí nghỉ dưỡng công cộng thuộc Khu du lịch suối khoáng Mỹ Lâm	Thành phố Tuyên Quang	Quy mô theo nhu cầu nhà đầu tư và chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền
1.5	Dự án sân gôn Mỹ Lâm - Tuyên Quang	Thành phố Tuyên Quang	Quy mô theo nhu cầu nhà đầu tư và chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền

1.6	Khu công viên thể dục, thể thao Mỹ Lâm	Thành phố Tuyên Quang	Quy mô theo nhu cầu nhà đầu tư và chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền
1.7	Khu nghỉ dưỡng suối khoáng nóng cao cấp Mỹ Lâm	Thành phố Tuyên Quang	Quy mô theo nhu cầu nhà đầu tư và chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền
1.8	Khu đô thị Tân Quang City 1	Thành phố Tuyên Quang	Quy mô theo nhu cầu nhà đầu tư và chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền
1.9	Khu đô thị thương mại dịch vụ Trung Việt	Thành phố Tuyên Quang	Quy mô theo nhu cầu nhà đầu tư và chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền
1.10	Khu đô thị Tân Hà	Thành phố Tuyên Quang	Quy mô theo nhu cầu nhà đầu tư và chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền
1.11	Khu đô thị LUXURY PARK VIEWS	Thành phố Tuyên Quang	Quy mô theo nhu cầu nhà đầu tư và chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền
1.12	Khu đô thị Tân Trào	Thành phố Tuyên Quang	Quy mô theo nhu cầu nhà đầu tư và chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền
1.13	Chỉnh trang đô thị tổ 9 phường Ỷ La (khu dân cư Quán Hùng)	Thành phố Tuyên Quang	Quy mô theo nhu cầu nhà đầu tư và chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền
1.14	Khu nhà ở phường Ỷ La	Thành phố Tuyên Quang	Quy mô theo nhu cầu nhà đầu tư và chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền

1.15	Chỉnh trang đô thị tổ 6 phường Nông Tiến	Thành phố Tuyên Quang	Quy mô theo nhu cầu nhà đầu tư và chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền
1.16	Khu đô thị mới Ỷ La	Thành phố Tuyên Quang	Quy mô theo nhu cầu nhà đầu tư và chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền
1.17	Khu nhà ở đô thị Phương Bắc	Thành phố Tuyên Quang	Quy mô theo nhu cầu nhà đầu tư và chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền
1.18	Khu đô thị An Phú	Thành phố Tuyên Quang	Quy mô theo nhu cầu nhà đầu tư và chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền
1.19	Khu nhà ở Hưng Thành	Thành phố Tuyên Quang	Quy mô theo nhu cầu nhà đầu tư và chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền
1.20	Khu đô thị Mimosa	Thành phố Tuyên Quang	Quy mô theo nhu cầu nhà đầu tư và chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền
1.21	Khu nhà ở dịch vụ thương mại Phú Lâm	Thành phố Tuyên Quang	Quy mô theo nhu cầu nhà đầu tư và chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền
1.22	Khu đô thị tại xã Lưỡng Vượng	Thành phố Tuyên Quang	Quy mô theo nhu cầu nhà đầu tư và chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền
1.23	Khu nhà ở và dịch vụ thương mại Ỷ La	Thành phố Tuyên Quang	Quy mô theo nhu cầu nhà đầu tư và chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền

1.24	Khu đô thị tại phường Ỷ La.	Thành phố Tuyên Quang	Quy mô theo nhu cầu nhà đầu tư và chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền
1.25	Khu đô thị mới Kim Phú	Thành phố Tuyên Quang	Quy mô theo nhu cầu nhà đầu tư và chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền
1.26	Khu đô thị Kim Phú	Thành phố Tuyên Quang	Quy mô theo nhu cầu nhà đầu tư và chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền
1.27	Khu đô thị dịch vụ và dân cư Nông Tiến	Thành phố Tuyên Quang	Quy mô theo nhu cầu nhà đầu tư và chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền
1.28	Dự án Khu đô thị mới bên bờ sông Lô, phường Hưng Thành	Thành phố Tuyên Quang	Quy mô theo nhu cầu nhà đầu tư và chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền
1.29	Khu phát triển nhà ở đô thị Tuyên Quang tại phường Tân Hà	Thành phố Tuyên Quang	Quy mô theo nhu cầu nhà đầu tư và chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền
1.30	Khu đô thị An Tường Riverside, phường An Tường	Thành phố Tuyên Quang	Quy mô theo nhu cầu nhà đầu tư và chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền
1.31	Khu du lịch suối khoáng Mỹ Lâm	Thành phố Tuyên Quang	Quy mô theo nhu cầu nhà đầu tư và chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền
1.32	Tổ hợp dịch vụ gôn tại phường An Tường	Thành phố Tuyên Quang	Quy mô theo nhu cầu nhà đầu tư và chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền

1.33	Tổ hợp sân chơi thông minh - sân tập thể dục thể thao và trung tâm dịch vụ thương mại (family park - Tuyên Quang)	Thành phố Tuyên Quang	Quy mô theo nhu cầu nhà đầu tư và chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền
1.34	Trung tâm nghỉ dưỡng và chăm sóc sức khỏe quốc tế AD tại xã Kim Phú và phường Mỹ Lâm	Thành phố Tuyên Quang	Quy mô theo nhu cầu nhà đầu tư và chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền
1.35	Tổ hợp nhà ở xã hội - dịch vụ tại phường Đội Cấn	Thành phố Tuyên Quang	Quy mô theo nhu cầu nhà đầu tư và chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền
1.36	Khu nhà ở và dịch vụ thương mại Phú Lâm	Thành phố Tuyên Quang	Quy mô theo nhu cầu nhà đầu tư và chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền
1.37	Dự án showroom ô tô và cửa hàng kinh doanh xăng dầu tại xã Lưỡng Vượng	Thành phố Tuyên Quang	Quy mô theo nhu cầu nhà đầu tư và chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền
1.38	Khu đô thị phường Hưng Thành	Thành phố Tuyên Quang	Quy mô theo nhu cầu nhà đầu tư và chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền
1.39	Khu nhà ở cao cấp Thành Tuyên tại phường Tân Quang	Thành phố Tuyên Quang	Quy mô theo nhu cầu nhà đầu tư và chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền
1.40	Khu nhà ở tại tổ 10, phường Nông Tiến	Thành phố Tuyên Quang	Quy mô theo nhu cầu nhà đầu tư và chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền
1.41	Khu đô thị sinh thái tại xã Lưỡng Vượng	Thành phố Tuyên Quang	Quy mô theo nhu cầu nhà đầu tư và chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền

1.42	Khu phức hợp sinh thái Tình Húc	Thành phố Tuyên Quang	Quy mô theo nhu cầu nhà đầu tư và chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền
1.43	Khu đô thị An Mỹ Hưng, phường Đội Cấn	Thành phố Tuyên Quang, huyện Yên Sơn	Quy mô theo nhu cầu nhà đầu tư và chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền
1.44	Khu dân cư Phú Mỹ Hưng, xã Kim Phú và xã Hoàng Khai	Thành phố Tuyên Quang và huyện Yên Sơn	Quy mô theo nhu cầu nhà đầu tư và chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền
1.45	Khu phức hợp đô thị nghỉ dưỡng, và dự án Sân gôn hồ Ngòi Là tại các xã Chân Sơn, Trung Môn, Kim Phú huyện Yên Sơn, thành phố Tuyên Quang	Huyện Yên Sơn, thành phố Tuyên Quang	Quy mô theo nhu cầu nhà đầu tư và chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền
1.46	Khu đô thị Tuyên Quang	Huyện Yên Sơn, thành phố Tuyên Quang	Quy mô theo nhu cầu nhà đầu tư và chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền
1.47	Khu dân cư sinh thái Phú Mỹ Hưng	Huyện Yên Sơn, thành phố Tuyên Quang	Quy mô theo nhu cầu nhà đầu tư và chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền
1.48	Khu dân cư mới tại xã Trung Môn	Huyện Yên Sơn	Quy mô theo nhu cầu nhà đầu tư và chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền
1.49	Khu dân cư Tân Trào	Huyện Yên Sơn	Quy mô theo nhu cầu nhà đầu tư và chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền

1.50	Khu dân cư Lý Nhân	Huyện Yên Sơn	Quy mô theo nhu cầu nhà đầu tư và chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền
1.51	Khu dân cư xã Trung Môn	Huyện Yên Sơn	Quy mô theo nhu cầu nhà đầu tư và chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền
1.52	Khu dân cư sinh thái Mimosa tại xã Nhữ Khê, xã Nhữ Hán	Huyện Yên Sơn	Quy mô theo nhu cầu nhà đầu tư và chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền
1.53	Khu đô thị sinh thái Sơn Dương, thị trấn Sơn Dương	Huyện Sơn Dương	Quy mô theo nhu cầu nhà đầu tư và chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền
1.54	Làng văn hóa du lịch và phát huy giá trị di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Tân Trào tại xã Tân Trào	Huyện Sơn Dương	Quy mô theo nhu cầu nhà đầu tư và chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền
1.55	Khu dân cư tại thị trấn Sơn Dương	Huyện Sơn Dương	Quy mô theo nhu cầu nhà đầu tư và chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền
1.56	Khu lâm viên hồ Hoa Lũng, xã Đại Phú	Huyện Sơn Dương	Quy mô theo nhu cầu nhà đầu tư và chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền
1.57	Chỉnh trang đô thị tổ dân phố Tân Tiến, thị trấn Tân Yên Tân Tiến	Huyện Hàm Yên	Quy mô theo nhu cầu nhà đầu tư và chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền
1.58	Chỉnh trang đô thị tổ dân phố Tân Yên, thị trấn Tân Yên	Huyện Hàm Yên	Quy mô theo nhu cầu nhà đầu tư và chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền

1.59	Chỉnh trang đô thị tổ dân phố Cầu Mới, thị trấn Tân Yên	Huyện Hàm Yên	Quy mô theo nhu cầu nhà đầu tư và chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền
1.60	Khu dân cư kết hợp khu trưng bầy giới thiệu sản phẩm nông sản xã Phù Lưu	Huyện Hàm Yên	Quy mô theo nhu cầu nhà đầu tư và chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền
1.61	Khu thương mại, dịch vụ và nhà ở (tại vị trí đất trụ sở HĐND và UBND huyện cũ) thị trấn Hàm Yên	Huyện Hàm Yên	Quy mô theo nhu cầu nhà đầu tư và chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền
1.62	Khu du lịch, dịch vụ hồ Khởn, xã Thái Sơn	Huyện Hàm Yên	Quy mô theo nhu cầu nhà đầu tư và chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền
1.63	Khu dân cư tại tổ dân phố Cầu Mới, thị trấn Tân Yên	Huyện Hàm Yên	Quy mô theo nhu cầu nhà đầu tư và chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền
1.64	Khu đô thị mới tại tổ dân phố Vĩnh Thịnh, thị trấn Vĩnh Lộc	Huyện Chiêm Hóa	Quy mô theo nhu cầu nhà đầu tư và chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền
1.65	Khu dân cư và Khu thương mại dịch vụ tại thôn Tụ, xã Phúc Thịnh	Huyện Chiêm Hóa	Quy mô theo nhu cầu nhà đầu tư và chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền
1.66	Khu thương mại và du lịch tại trung tâm thị trấn Na Hang	Huyện Na Hang	Quy mô theo nhu cầu nhà đầu tư và chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền
1.67	Làng hạnh phúc tại huyện Na Hang	Huyện Na Hang	Quy mô theo nhu cầu nhà đầu tư và chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền

1.68	Khu du lịch sinh thái hồ thủy điện Na Hang	Các huyện Na Hang, Lâm Bình	Quy mô theo nhu cầu nhà đầu tư và chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền
2	**Dự kiến phát triển các khu Tổ hợp dịch vụ tổng hợp, nghỉ dưỡng, vui chơi, giải trí, thể thao sân gôn khi tỉnh được bổ sung chỉ tiêu quy hoạch và Kế hoạch sử dụng đất**		
2.1	01 khu Tổ hợp thương mại dịch vụ huyện Hàm Yên	Huyện Hàm Yên	Quy mô theo nhu cầu nhà đầu tư và chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền
2.2	03 khu Tổ hợp thương mại dịch vụ huyện Na Hang	Huyện Na Hang	Quy mô theo nhu cầu nhà đầu tư và chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền
2.3	04 khu Tổ hợp thương mại dịch vụ huyện Lâm Bình	Huyện Lâm Bình	Quy mô theo nhu cầu nhà đầu tư và chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền
2.4	01 khu Tổ hợp thương mại dịch vụ huyện Chiêm Hóa	Huyện Chiêm Hóa	Quy mô theo nhu cầu nhà đầu tư và chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền
VII	**DANH MỤC DỰ ÁN, KHU BẢO TỒN, KHU VỰC CẦN ĐƯỢC BẢO QUẢN TU BỔ, PHỤC HỒI DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HÓA, DANH LAM THẮNG CẢNH TỈNH TUYÊN QUANG THỜI KỲ 2021 - 2030**		
1	**Di tích quốc gia đặc biệt**	**Địa điểm**	**Số lượng tối thiểu**
1.1	Dự án bảo quản tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị Khu Di tích quốc gia đặc biệt Tân Trào	Huyện Sơn Dương	01 di tích

1.2	Dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị Khu Di tích quốc gia đặc biệt Địa điểm tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng	Huyện Chiêm Hóa	01 di tích
1.3	Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị danh lam thắng cảnh quốc gia đặc biệt Khu bảo tồn thiên nhiên Na Hang - Lâm Bình	Huyện Na Hang, huyện Lâm Bình	01 khu
1.4	Lập hồ sơ khoa học Khu thiên nhiên Ba Bể (Bắc Kạn) - Na Hang (Tuyên Quang)	Huyện Na Hang, huyện Lâm Bình	01 khu
2	**Di tích cấp quốc gia**	**Địa điểm**	**Số lượng tối thiểu**
2.1	Khảo sát, lập hồ sơ đề nghị xếp hạng di tích quốc gia	Các huyện	05 hồ sơ
2.2	Tu bổ, tôn tạo di tích quốc gia	Các huyện	45 di tích
3	**Di tích, danh thắng cấp tỉnh**	**Địa điểm**	**Số lượng tối thiểu**
3.1	Tu bổ, tôn tạo di tích cấp tỉnh	Các huyện	05 di tích
3.2	Khảo sát, lập hồ sơ đề nghị xếp hạng di tích cấp tỉnh	Các huyện	20 di tích
4	**Lễ hội**	**Địa điểm**	**Số lượng tối thiểu**
	Phục dựng lễ hội truyền thống	Các huyện, thành phố	3 lễ hội
5	**Di sản văn hóa phi vật thể**		
5.1	Khảo sát, lập hồ sơ đề nghị công nhận di sản văn hóa phi vật thể quốc gia	Các huyện, thành phố	10 di sản
5.2	Phục dựng di sản văn hóa phi vật thể Lễ Đại phan của dân tộc Sán Dìu	Các huyện, thành phố	1 di sản
5.3	Phục dựng di sản văn hóa phi vật thể Lễ cấp sắc dân tộc Dao	Các huyện, thành phố	2 di sản

6	**Bảo tồn không gian văn hóa truyền thống**	**Địa điểm**	**Số lượng tối thiểu**
6.1	Không gian văn hóa truyền thống Dân tộc Tày, Dao, Cao Lan, Sán Dìu, Mông, Nùng…	Các huyện, thành phố	
6.2	Xây dựng Làng văn hóa dân tộc gắn với phát triển du lịch	Các huyện, thành phố	7 làng văn hóa
VIII	**DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG MỚI, NÂNG CẤP, MỞ RỘNG, BẢO TRÌ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG**		
1	**Cao tốc**	**Địa điểm**	**Chiều dài (km), quy mô**
1.1	Đường bộ cao tốc Tuyên Quang - Phú Thọ (CT.02)	Thành phố Tuyên Quang, huyện Yên Sơn	11,6 km (địa phận tỉnh Tuyên Quang), quy mô 4 làn xe
1.2	Đường bộ cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (CT.15)	Thành phố Tuyên Quang, huyện Yên Sơn, huyện Hàm Yên	80 km (địa phận tỉnh Tuyên Quang), quy mô 4 làn xe
2	**Đường tỉnh**		
2.1	**Đường kết nối liên vùng**	**Địa điểm**	**Chiều dài (km), quy mô**
2.1.1	Đường kết nối liên vùng Phổ Yên (Thái Nguyên) - Tuyên Quang - Yên Bái	Thành phố Tuyên Quang, huyện Yên Sơn, huyện Sơn Dương	50 km, quy mô cấp III, 2-4 làn xe
2.1.2	Đường kết nối huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang - huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn (ĐT.192)	Huyện Na Hang	8 km, quy mô tối thiểu cấp V, 2 làn xe
2.1.3	Đường từ thành phố Tuyên Quang đi xã Tam Đa, huyện Sơn Dương kết nối với huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc (ĐT.187)	Thành phố Tuyên Quang, huyện Yên Sơn, huyện Sơn Dương	30 km, quy mô tối thiểu cấp III đồng bằng, quy mô 2 làn xe

2.1.4	Đường Ninh Lai - Đạo Trù - IC4 cao tốc Nội Bài - Lào Cai (ĐT.185)	Huyện Sơn Dương	5 km, quy mô cấp III, 2-4 làn xe
2.1.5	Đường kết nối liên vùng Bắc Kạn - Tuyên Quang - Hà Giang	Huyện Chiêm Hóa, huyện Na Hang, huyện Lâm Bình	50 km, quy mô tối thiểu cấp IV, 2 làn xe
2.1.6	Đường kết nối Khu di tích lịch sử Quốc gia đặc biệt Tân Trào với Di tích lịch sử ATK Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	Huyện Sơn Dương	6,3 km, quy mô tối thiểu cấp IV, 2 làn xe
2.1.7	Đường kết nối thành phố Tuyên Quang sang tỉnh Yên Bái	Thành phố Tuyên Quang, huyện Yên Sơn	15 km, quy mô cấp III đồng bằng, 2-4 làn xe
2.1.8	Đường từ huyện Hàm Yên (Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang) đến huyện Chiêm Hóa, huyện Na Hang kết nối với tỉnh Bắc Kạn (ĐT.191)	Huyện Hàm Yên, huyện Chiêm Hóa, huyện Na Hang	60 km, quy mô cấp III miền núi, 2-4 làn xe
2.2	**Đường tỉnh hiện hữu**	**Địa điểm**	**Chiều dài (km), quy mô**
2.2.1	ĐT.185	Thành phố Tuyên Quang, huyện Yên Sơn, huyện Sơn Dương, huyện Chiêm Hóa, huyện Na Hang	200 km, quy mô tối thiểu cấp IV, 2 làn xe
2.2.2	ĐT.186	Thành phố Tuyên Quang, huyện Yên Sơn, huyện Sơn Dương	64 km, quy mô tối thiểu cấp IV, 2 làn xe

2.2.3	ĐT.188	Huyện Yên Sơn, huyện Chiêm Hóa, huyện Na Hang, huyện Lâm Bình	129 km, quy mô tối thiểu cấp IV, 2 làn xe
2.2.4	ĐT.189	Huyện Hàm Yên	57 km, quy mô tối thiểu cấp IV, 2 làn xe
2.3	**Đường tỉnh quy hoạch mới**	**Địa điểm**	**Chiều dài (km), quy mô**
2.3.1	Đường Tam Đa - Bình An (ĐT.187)	Thành phố Tuyên Quang, huyện Yên Sơn, huyện Sơn Dương, huyện Chiêm Hóa, huyện Na Hang, huyện Lâm Bình	140,2 km, quy mô tối thiểu cấp V
2.3.2	Đường Bạch Xa - Phù Lưu - Trung Hà - Tân Mỹ (ĐT.190)	Huyện Hàm Yên, huyện Chiêm Hóa	35 km, quy mô tối thiểu cấp V
2.3.3	Đường Hàm Yên - Chiêm Hóa - Na Hang (ĐT.191)	Huyện Hàm Yên, huyện Chiêm Hóa, huyện Na Hang	60 km, quy mô tối thiểu cấp III miền núi
2.3.4	Đường Đà Vị - Hồng Thái - Yên Hoa - Sinh Long (ĐT.192)	Huyện Na Hang	40 km, quy mô tối thiểu cấp V
2.3.5	Đường Nhữ Khê - Đội Bình - Đông Thọ - Hợp Thành (ĐT.193)	Thành phố Tuyên Quang, huyện Yên Sơn, huyện Sơn Dương	54 km, quy mô tối thiểu cấp V
2.3.6	Đường Hùng Đức - Thái Hòa - Chiêu Yên - Bình Nhân - Linh Phú (ĐT.195)	Huyện Hàm Yên, huyện Chiêm Hóa	73 km, quy mô tối thiểu cấp V

2.4	**Đường vành đai**	**Địa điểm**	
	Đường vành đai thành phố Tuyên Quang	Thành phố Tuyên Quang, huyện Yên Sơn	75 km, quy mô cấp III, IV đồng bằng và đường đô thị
2.5	**Đường hàng không**	**Địa điểm**	
	Đầu tư xây dựng Sân bay chuyên dùng và thủy phi cơ tại huyện Na Hang	Huyện Na Hang	
IX	**DANH MỤC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA VÀ CẢNG CẠN TỈNH TUYÊN QUANG THỜI KỲ 2021 - 2030**		
1	**Cảng cấp quốc gia**	**Địa điểm**	**Công suất**
1.1	Cảng Tam Sơn	Thành phố Tuyên Quang	Hàng hóa, 500.000 T/năm
1.2	Cảng Tuyên Quang	Thành phố Tuyên Quang	Hàng hóa, 400.000 T/năm
1.3	Cảng An Hòa	Thành phố Tuyên Quang, huyện Sơn Dương	Hàng hóa, 400.000 T/năm
1.4	Cảng Chiêm Hóa	Huyện Chiêm Hóa	Hàng hóa, 200.000 T/năm
1.5	Cảng Na Hang	Huyện Na Hang	Hàng hóa, 100.000 T/năm
1.6	Cảng vùng hồ thủy điện Tuyên Quang	Huyện Na Hang, huyện Lâm Bình	Hàng hóa, 300.000 T/năm
1.7	Cụm cảng khách vùng hồ thủy điện Tuyên Quang	Huyện Na Hang, huyện Lâm Bình	Cảng khách, 300.000 HK/năm
2	**Bến cấp tỉnh**		**Số lượng (bến)**
2.1	Bến thủy nội địa	Các huyện, thành phố	56 bến thủy

2.2	Bến khách ngang sông	Các huyện, thành phố	39 bến khách ngang sông
2.3	Bến khác	Các huyện, thành phố	
3	**Cảng cạn**		**Công suất**
	Cảng cạn ICD	Thành phố Tuyên Quang	20.000 - 35.000 TEU/năm
X	**DANH MỤC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH MẠNG LƯỚI CẤP ĐIỆN TỈNH TUYÊN QUANG THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM**		
1	**NGUỒN ĐIỆN**		
1.1	**Các dự án nguồn điện đã được quy hoạch trong thời kỳ 2011 - 2020**	**Địa điểm**	**Công suất (MW)**
1.1.1	Thủy điện Suối Ba 1	Huyện Chiêm Hóa	6,4
1.1.2	Thủy điện Suối Ba 2	Huyện Chiêm Hóa	4
1.1.3	Thủy điện Khánh Nhật	Huyện Sơn Dương	4
1.1.4	Thủy điện Thác Giốm	Huyện Chiêm Hóa	5,4
1.1.5	Thủy điện Khuôn Cọ	Huyện Chiêm Hóa	3
1.1.6	Thủy điện Hùng Lợi 1	Huyện Yên Sơn	8
1.1.7	Thủy điện Hùng Lợi 2	Huyện Yên Sơn	3,5
1.1.8	Thủy điện Hùng Lợi 3	Huyện Yên Sơn	3,3
1.2	**Các dự án nguồn điện quy hoạch mới trong thời kỳ 2021 - 2030**	**Địa điểm**	**Công suất (MW)**
1.2.1	Mở rộng nhà máy thủy điện Tuyên Quang, 01 tổ máy	Huyện Na Hang	120

1.2.2	Thủy điện Phú Bình	Huyện Chiêm Hóa	10
1.2.3	Thủy điện Nậm Vàng	Huyện Na Hang	10,5
1.2.4	Nhà máy điện sinh khối	Huyện Yên Sơn	100
1.2.5	Thủy điện Sông Lô 9 * (dự kiến đầu tư xây dựng phù hợp với Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia)	Thành phố Tuyên Quang	75
1.3	**Dự án nguồn điện thực hiện sau năm 2030**		
	Các dự án điện mặt trời nối lưới	Các huyện và thành phố	200
2	**LƯỚI ĐIỆN**	**Địa điểm**	**Công suất**
2.1	**Lưới điện 220kV**		
2.1.1	**Trạm biến áp 220kV**		**MVA**
2.1.1.1	TBA 220kV TĐ Yên Sơn		1x125
2.1.1.2	TBA 220kV Thủy điện Sông Lô 9 (thực hiện khi Thủy điện Sông Lô 9 được xây dựng)	Thành phố Tuyên Quang	1x105
2.1.2	**Đường dây 220kV**		
	ĐZ 220kV đấu nối từ trạm biến áp 220kV Thủy điện Sông Lô 9 đến đường dây 220kV Tuyên Quang - Thái Nguyên		
2.2	**Lưới điện 110kV**		
2.2.1	**TBA 110kV**	**Địa điểm**	**Công suất (MVA)**
2.2.1.1	TBA 110kV Tuyên Quang	Thành phố Tuyên Quang	2x63
2.2.1.2	TBA 110kV Gò Trầu	Thành phố Tuyên Quang	2x63
2.2.1.3	TBA 110kV Chiêm Hóa	Huyện Chiêm Hóa	2x40

2.2.1.4	TBA 110kV Sơn Dương	Huyện Sơn Dương	2x40
2.2.1.5	TBA 110kV Long Bình An	Thành phố Tuyên Quang	2x63
2.2.1.6	TBA 110kV Hàm Yên	Huyện Yên Sơn	2x40
2.2.1.7	TBA 110kV Lâm Bình	Huyện Lâm Bình	2x25
2.2.1.8	TBA 110kV Na Hang	Huyện Na Hang	2x25
2.2.1.9	TBA 110kV Tuyên Quang 2	Thành phố Tuyên Quang	2x40
2.2.1.10	TBA 110kV Vĩnh Thái		2x40
2.2.1.11	TBA 110kV Sơn Nam	Huyện Sơn Dương	1x25+1x40
2.2.1.12	TBA 110kV Tân Trào	Huyện Sơn Dương	1x25+1x40
2.2.1.13	TBA 110kV Yên Sơn	Huyện Yên Sơn	1x40+1x63
2.2.1.14	TBA 110kV Chiêm Hóa 2	Huyện Chiêm Hóa	1x40
2.2.1.15	TBA 110kV Hồng Lạc	Huyện Sơn Dương	2x40
2.2.1.16	TBA 110kV Phú Lâm	Thành phố Tuyên Quang	2x40
2.2.1.17	TBA 110kV Hàm Yên 2	Huyện Yên Sơn	1x40
2.2.1.18	TBA 110kV Nhữ Khê	Huyện Yên Sơn	2x40
2.2.1.19	TBA 110kV Đội Cấn	Thành phố Tuyên Quang	2x40
2.2.1.20	TBA 110kV Tam Đa	Huyện Sơn Dương	2x40
2.2.1.21	TBA 110kV Thái Sơn	Huyện Hàm Yên	2x63
2.2.1.22	TBA 110kV Thành Long	Huyện Hàm Yên	2x63

2.2.1.23	TBA 110kV Thủy điện Suối Ba 2	Huyện Chiêm Hóa	1x16
2.2.1.24	TBA 110kV Điện sinh khối Tuyên Quang	Huyện Yên Sơn	2x63
2.2.1.25	TBA 110kV Thủy điện Sông Lô 7	Huyện Hàm Yên	1x15+1x30
2.2.2	**Đường dây 110kV**		**Chiều dài khoảng (km)**
2.2.2.1	ĐZ 110kV từ TBA 220kV Tuyên Quang chuyển tiếp ĐZ Hàm Yên - Điện sinh khối mía đường Tuyên Quang		36
2.2.2.2	ĐZ 110kV TBA 220kV Thủy điện Tuyên Quang - Chợ Đồn		70
2.2.2.3	Rẽ nhánh TBA 110kV Lâm Bình		30
2.2.2.4	Rẽ nhánh TBA 110kV Na Hang		0,15
2.2.2.5	Rẽ nhánh TBA 110kV Sông Lô 7		5
2.2.2.6	Rẽ nhánh TBA 110kV Tuyên Quang 2		0,2
2.2.2.7	Rẽ nhánh TBA 110kV Tân Trào		10
2.2.2.8	Rẽ nhánh TBA 110kV Sơn Nam		20
2.2.2.9	Rẽ nhánh TBA 110kV Vĩnh Thái		10
2.2.2.10	Đường dây 110kV Chiêm Hóa - Suối Ba 2		7
2.2.2.11	Rẽ nhánh TBA 110kV Yên Sơn		0,5
2.2.2.12	ĐZ 110kV Chiêm Hóa - Chiêm Hóa 2		15
2.2.2.13	ĐZ 110kV Sơn Dương - Sơn Nam		25

2.2.2.14	ĐZ 110kV Sơn Nam - Hồng Lạc		30
2.2.2.15	ĐZ 110kV Tuyên Quang 2 - Phú Lâm		6
2.2.2.16	ĐZ 110kV Phú Lâm - Nhữ Khê		8
2.2.2.17	Rẽ nhánh TBA 110kV Hàm Yên 2		1,5
2.2.2.18	Rẽ nhánh TBA 110kV Nhữ Khê		15
2.2.2.19	Rẽ nhánh TBA 110kV Đội Cấn		12
2.2.2.20	Rẽ nhánh TBA 110kV Tam Đa		5
2.2.2.21	Rẽ nhánh TBA 110kV Thái Sơn		3
2.2.2.22	Rẽ nhánh TBA 110kV Thành Long		3
2.2.2.23	ĐZ 110kV từ TBA 220kV Tuyên Quang - Xi măng Tân Quang - Bắc Quang		95
2.2.2.24	ĐZ 110kV Hàm Yên - Chiêm Hóa		41
2.2.2.25	ĐZ 110kV từ TBA 220kV Tuyên Quang - Thủy điện Thác Bà		17,5
2.2.2.26	ĐZ 110kV từ TBA 220kV Tuyên Quang - TBA 220kV Thái Nguyên		100
2.2.2.27	ĐZ 110kV từ TBA 220kV Tuyên Quang - TBA 110kV Tuyên Quang		9,3
2.2.2.28	ĐZ 110kV mạch kép đấu nối từ trạm biến áp 110kV Điện sinh khối Tuyên Quang chuyển tiếp trên đường dây 110kV Hàm Yên - Xi măng Tân Quang		10

3	**Trạm sạc điện**	**Địa điểm**	**Số lượng tối thiểu (trạm)**
3.1	Thành phố	Thành phố Tuyên Quang	Tối thiểu 5 trạm
3.2	Các huyện	Các huyện	Tối thiểu 2 trạm/huyện
XI	**DANH MỤC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TỈNH TUYÊN QUANG THỜI KỲ 2021 - 2030**		
	Công trình thủy lợi	**Địa điểm**	
1	**Công trình đê**		
1.1	Tuyến đê Vĩnh Lợi - Lâm Xuyên	Huyện Sơn Dương	
1.2	Tuyến đê tả sông Lô		
2	**Công trình hồ, đập**		
2.1	Ngòi Là 1	Huyện Yên Sơn	
2.2	Ngòi Là 2	Huyện Yên Sơn	
2.3	Hoàng Khai	Thành phố Tuyên Quang	
XII	**DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC**		
1	**Công trình cấp nước đô thị**	**Địa điểm**	**Công suất dự kiến (m^3/ngày đêm) (*)**
1.1	Trạm xử lý nước mặt lấy nước từ nguồn sông Lô	Thành phố Tuyên Quang	9.500
1.2	Trạm xử lý nước mặt thành phố Tuyên Quang		5.000
1.3	Nhà máy xử lý nước mặt sông Lô tại An Tường		25.000
1.4	Nhà máy nước sạch thị trấn Na Hang	Huyện Na Hang	12.500

1.5	Trạm xử lý và cấp nước thị trấn Tân Yên	Huyện Hàm Yên	5.200
1.6	Trạm xử lý và cấp nước thị trấn Vĩnh Lộc	Huyện Chiêm Hóa	5.900
1.7	Trạm xử lý và cấp nước thị trấn Sơn Dương	Huyện Sơn Dương	7.500
1.8	Trạm xử lý và cấp nước Yên Hoa	Huyện Na Hang	1.800
1.9	Trạm xử lý và cấp nước Trung Sơn	Huyện Yên Sơn	1.500
1.10	Trạm xử lý và cấp nước Tân Trào	Huyện Sơn Dương	1.200
1.11	Trạm xử lý và cấp nước Hồng Lạc	Huyện Sơn Dương	2.000
1.12	Trạm xử lý và cấp nước Sơn Nam	Huyện Sơn Dương	3.000
1.13	Trạm xử lý và cấp nước Yên Sơn	Huyện Yên Sơn	3.500
1.14	Trạm xử lý và cấp nước Mỹ Bằng	Huyện Yên Sơn	3.800
1.15	Trạm xử lý và cấp nước Lâm Bình	Huyện Lâm Bình	1.800
1.16	Trạm xử lý và cấp nước Thượng Lâm	Huyện Lâm Bình	1.700
1.17	Trạm xử lý và cấp nước Hòa Phú	Huyện Chiêm Hóa	2.000
1.18	Trạm xử lý và cấp nước Ngọc Hội	Huyện Chiêm Hóa	2.000
1.19	Trạm xử lý và cấp nước Trung Hà	Huyện Chiêm Hóa	2.000
1.20	Trạm xử lý và cấp nước Kim Bình	Huyện Chiêm Hóa	2.000

1.21	Trạm xử lý và cấp nước Phúc Sơn	Huyện Lâm Bình	2.000
1.22	Trạm xử lý và cấp nước Phù Lưu	Huyện Hàm Yên	2.600
1.23	Trạm xử lý và cấp nước Thái Sơn	Huyện Hàm Yên	2.300
1.24	Trạm xử lý và cấp nước Xuân Vân	Huyện Yên Sơn	2.800
1.25	Trạm xử lý và cấp nước Hồng Thái	Huyện Na Hang	1.000
1.26	Trạm xử lý và cấp nước Khuôn Hà	Huyện Lâm Bình	1.000
2	**Công trình cấp nước công nghiệp đến năm 2030**	**Địa điểm**	**Công suất dự kiến (m^3/ngày đêm) (*)**
2.1	Nhà máy cấp nước Long Bình An	Thành phố Tuyên Quang	21.940
2.2	Trạm cấp nước công nghiệp Nam Sơn Dương	Huyện Sơn Dương	7.500
2.3	Trạm cấp nước công nghiệp Tam Đa	Huyện Sơn Dương	5.000
2.4	Trạm cấp nước công nghiệp Thái Sơn	Huyện Hàm Yên	5.000
2.5	Trạm cấp nước công nghiệp Nhữ Khê	Huyện Yên Sơn	12.000
2.6	Công trình cấp nước công nghiệp khác		
			(*) Công suất thực tế của công trình cấp nước theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền

XIII	**DANH MỤC DỰ ÁN KHU NGHĨA TRANG, KHU XỬ LÝ CHẤT THẢI ƯU TIÊN ĐẦU TƯ TỈNH TUYÊN QUANG THỜI KỲ 2021 - 2030**		
1	**Khu xử lý chất thải cấp tỉnh**	**Địa điểm**	**Công suất xử lý rác dự kiến khoảng (tấn/ngày)**
1.1	Khu xử lý chất thải Nhữ Khê	Huyện Yên Sơn	300 tấn/ngày
1.2	Khu xử lý chất thải Phúc Ứng	Huyện Sơn Dương	144 tấn/ngày
1.3	Khu xử lý chất thải Thái Sơn	Huyện Hàm Yên	80 tấn/ngày
2	**Khu xử lý chất thải liên huyện**	**Địa điểm**	**Công suất dự kiến (tấn/ngày)**
2.1	Khu xử lý chất thải Phúc Thịnh	Huyện Chiêm Hóa	50 tấn/ngày
2.2	Khu xử lý chất thải Năng Khả	Huyện Na Hang	35 tấn/ngày
2.3	Khu xử lý chất thải Lâm Bình	Huyện Lâm Bình	30 tấn/ngày
2.4	Khu xử lý chất thải Hồng Lạc	Huyện Sơn Dương	30 tấn/ngày
2.5	Khu xử lý chất thải Minh Dân	Huyện Hàm Yên	20 tấn/ngày
3	**Khu nghĩa trang cấp tỉnh**	**Địa điểm**	**Diện tích dự kiến khoảng (ha)**
3.1	Công viên nghĩa trang Thiên Đường	Huyện Yên Sơn	24 ha
3.2	Nghĩa trang Trung Môn	Huyện Yên Sơn	25 ha
3.3	Nghĩa trang Phúc Yên	Huyện Lâm Bình	10 ha
3.4	Nghĩa trang Năng Khả	Huyện Na Hang	20 ha
3.5	Nghĩa trang huyện Chiêm Hóa	Huyện Chiêm Hóa	10 ha
3.6	Nghĩa trang huyện Hàm Yên	Huyện Hàm Yên	15 ha
3.7	Nghĩa trang huyện Sơn Dương	Huyện Sơn Dương	20 ha

XIV	**DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH LĨNH VỰC GIÁO DỤC ĐÀO TẠO**		
1	**DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH CƠ SỞ HẠ TẦNG GIÁO DỤC PHỔ THÔNG**		
1.1	**Trường khu vực công lập**	**Địa điểm**	**Ghi chú**
1.1.1	Xây dựng Trường Trung học phổ thông Tân Trào	Thành phố Tuyên Quang	Đầu tư xây dựng hoàn thiện cơ sở hạ tầng
1.1.2	Xây dựng Trường THPT Chuyên	Thành phố Tuyên Quang	Đầu tư xây dựng hoàn thiện cơ sở hạ tầng
1.1.3	Xây dựng Trường THPT Trung Sơn	Huyện Yên Sơn	Đầu tư xây dựng hoàn thiện cơ sở hạ tầng
1.1.4	Xây dựng Trường PTDTNT THCS và THPT huyện Chiêm Hóa	Huyện Chiêm Hóa	Đầu tư xây dựng hoàn thiện cơ sở hạ tầng
1.1.5	Xây dựng Trường PTDTNT THCS và THPT huyện Na Hang	Huyện Na Hang	Đầu tư xây dựng hoàn thiện cơ sở hạ tầng
1.1.6	Các trường THPT, liên cấp THCS - THPT, PTDT nội trú khác	Các huyện, thành phố	Đầu tư xây dựng hoàn thiện cơ sở hạ tầng
1.2	**Trường khu vực ngoài công lập**	Các huyện, thành phố	Tối thiểu 3 trường; quy mô theo nhu cầu của nhà đầu tư
2	**DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP - GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN**	**Địa điểm**	**Ghi chú**
2.1	Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật - Công nghệ Tuyên Quang	Thành phố Tuyên Quang	Đầu tư nâng cấp, hoàn thiện cơ sở hạ tầng

2.2	Các Trường Trung cấp	Các huyện, thành phố	Đầu tư nâng cấp, hoàn thiện cơ sở hạ tầng
2.3	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp thuộc hội, doanh nghiệp	Các huyện, thành phố	Đầu tư nâng cấp, hoàn thiện cơ sở hạ tầng
2.4	Cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc doanh nghiệp	Các huyện, thành phố	Đầu tư nâng cấp, hoàn thiện cơ sở hạ tầng
2.5	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên các huyện	Các huyện, thành phố	Đầu tư nâng cấp, hoàn thiện cơ sở hạ tầng
3	**DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC**		**Ghi chú**
	Trường Đại học Tân Trào		Đầu tư xây dựng công trình chức năng
XV	**DANH MỤC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH KẾT CẤU HẠ TẦNG Y TẾ TỈNH TUYÊN QUANG THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**		
1	**CƠ SỞ Y TẾ TUYẾN TỈNH**	**Địa điểm**	**Quy mô dự kiến**
1.1	Bệnh viện Y dược cổ truyền Tuyên Quang	Thành phố Tuyên Quang	250 giường bệnh
1.2	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tuyên Quang	Thành phố Tuyên Quang	1.000 giường bệnh
1.3	Bệnh viện Phổi	Thành phố Tuyên Quang	200 giường bệnh
1.4	Bệnh viện Suối khoáng Mỹ Lâm	Thành phố Tuyên Quang	200 giường bệnh
1.5	Bệnh viện Phục hồi chức năng Hương Sen, tỉnh Tuyên Quang	Thành phố Tuyên Quang	200 giường bệnh

1.6	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật CDC (bao gồm: Trung tâm Phòng chống HIV/AIDS, Trung tâm Truyền thông Giáo dục sức khỏe)	Thành phố Tuyên Quang	Nhà làm việc, nhà kho vật tư, nhà kho lạnh, nhà kho Vaccine và các hạng mục phụ trợ
1.7	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm	Thành phố Tuyên Quang	Nhà 3 tầng và các hạng mục phụ trợ
1.8	Trung tâm Giám định Y khoa, Trung tâm Pháp Y	Thành phố Tuyên Quang	Nhà 3 tầng và các hạng mục phụ trợ
1.9	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm, Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình	Thành phố Tuyên Quang	Nhà 3 tầng và các hạng mục phụ trợ
1.10	Bệnh viện Công an tỉnh	Thành phố Tuyên Quang	100 giường bệnh
2	**Cơ sở y tế tuyến huyện**	**Địa điểm**	**Quy mô dự kiến**
2.1	Trung tâm Y tế thành phố Tuyên Quang	Thành phố Tuyên Quang	
2.2	Trung tâm Y tế huyện Sơn Dương	Huyện Sơn Dương	200 giường bệnh
2.3	Bệnh viện Đa khoa khu vực Kim Xuyên	Huyện Sơn Dương	120 giường bệnh
2.4	Phòng khám Đa khoa khu vực Sơn Nam	Huyện Sơn Dương	20 giường bệnh
2.5	Phòng khám Đa khoa khu vực Đông Thọ	Huyện Sơn Dương	20 giường bệnh
2.6	Phòng khám Đa khoa khu vực Tân Trào	Huyện Sơn Dương	20 giường bệnh
2.7	Trung tâm Y tế huyện Hàm Yên	Huyện Hàm Yên	250 giường bệnh
2.8	Trung tâm Y tế huyện Yên Sơn	Huyện Yên Sơn	150 giường bệnh
2.9	Bệnh viện Đa khoa khu vực ATK	Huyện Yên Sơn	100 giường bệnh

2.10	Phòng khám Đa khoa khu vực Xuân Vân	Huyện Yên Sơn	20 giường bệnh
2.11	Phòng khám Đa khoa khu vực Trung Môn	Huyện Yên Sơn	20 giường bệnh
2.12	Phòng khám Đa khoa khu vực Tháng 10	Huyện Yên Sơn	20 giường bệnh
2.13	Trung tâm Y tế huyện Chiêm Hóa	Huyện Chiêm Hóa	350 giường bệnh
2.14	Phòng khám Đa khoa khu vực Kim Bình	Huyện Chiêm Hóa	20 giường bệnh
2.15	Trung tâm Y tế huyện Lâm Bình	Huyện Lâm Bình	100 giường bệnh
2.16	Phòng khám Đa khoa khu vực Thượng Lâm	Huyện Lâm Bình	20 giường bệnh
2.17	Phòng khám Đa khoa khu vực Minh Đức	Huyện Lâm Bình	20 giường bệnh
2.18	Trung tâm Y tế huyện Na Hang	Huyện Na Hang	100 giường bệnh
2.19	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Hoa	Huyện Na Hang	50 giường bệnh
2.20	Trung tâm y tế huyện Na Hang (tại khu vực xã Năng Khả hiện nay)	Huyện Na Hang	100 giường bệnh
3	**CƠ SỞ Y TẾ NGOÀI CÔNG LẬP QUY HOẠCH MỚI**	**Địa điểm**	**Quy mô**
3.1	Thu hút đầu tư thêm 5 cơ ở y tế ngoài công lập	Thành phố Tuyên Quang	Quy mô theo nhu cầu nhà đầu tư và chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền
3.2	Thu hút đầu tư 3 cơ sở y tế tư nhân	Huyện Sơn Dương	Quy mô theo nhu cầu nhà đầu tư và chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền

3.3	Thu hút đầu tư mỗi huyện 2 cơ sở y tế tư nhân	Huyện Yên Sơn, Hàm Yên, Chiêm Hóa	Quy mô theo nhu cầu nhà đầu tư và chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền
3.4	Thu hút đầu tư mỗi huyện 1 cơ sở y tế tư nhân	Huyện Na Hang, Lâm Bình	Quy mô theo nhu cầu nhà đầu tư và chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền
XVI	**DANH MỤC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH CƠ SỞ TRỢ GIÚP XÃ HỘI, AN SINH XÃ HỘI CẤP TỈNH TỈNH TUYÊN QUANG THỜI KỲ 2021 - 2030**		
1	**Cơ sở trợ giúp xã hội công lập**	**Địa điểm**	**Quy mô dự kiến**
1.1	Trung tâm dịch vụ việc làm	Thành phố Tuyên Quang	Khoảng 0,5 ha
1.2	Trung tâm Công tác xã hội và Quỹ Bảo trợ trẻ em	Thành phố Tuyên Quang	200 đối tượng bảo trợ xã hội
1.3	Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh	Thành phố và các huyện	200 người
1.4	Cơ sở chăm sóc người cao tuổi/người tâm thần	Thành phố và các huyện	150 người
1.5	Trung tâm Điều dưỡng người có công	Thành phố và các huyện	100 giường
2	**Cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập: Ít nhất 03 cơ sở**	Thành phố và các huyện	50 người
XVII	**DỰ ÁN KHÁC**		
1	Các dự án thuộc Kế hoạch đầu tư công trung hạn trong thời kỳ quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Các huyện, thành phố	Quy mô theo quyết định của cấp có thẩm quyền
2	Các dự án khác (phù hợp với định hướng và phương án phát triển thuộc quy hoạch tỉnh)	Các huyện, thành phố	Quy mô theo quyết định của cấp có thẩm quyền

Phụ lục XXIV

DANH MỤC BẢN ĐỒ KÈM THEO QUY HOẠCH TỈNH TUYÊN QUANG THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 325/QĐ-TTg ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên bản đồ	Tỷ lệ
1	Bản đồ vị trí và các mối quan hệ của tỉnh Tuyên Quang năm 2020	1:1.000.000
2	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2020 tỉnh Tuyên Quang	1:100.000
3	Bản đồ hiện trạng hệ thống đô thị, nông thôn tỉnh Tuyên Quang năm 2020	1:100.000
4	Bản đồ hiện trạng phát triển kết cấu hạ tầng xã hội tỉnh Tuyên Quang năm 2020 (văn hóa, thể thao và du lịch)	1:100.000
5	Bản đồ hiện trạng phát triển kết cấu hạ tầng xã hội tỉnh Tuyên Quang năm 2020 (giáo dục và đào tạo; giáo dục nghề nghiệp và an sinh xã hội)	1:100.000
6	Bản đồ hiện trạng phát triển kết cấu hạ tầng xã hội tỉnh Tuyên Quang năm 2020 (y tế, khoa học và công nghệ)	1:100.000
7	Bản đồ hiện trạng phát triển khu công nghiệp, cụm công nghiệp, thương mại dịch vụ và nông, lâm nghiệp tỉnh Tuyên Quang năm 2020	1:100.000
8	Bản đồ hiện trạng phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật mạng lưới giao thông tỉnh Tuyên Quang năm 2020	1:100.000
9	Bản đồ hiện trạng phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật tỉnh Tuyên Quang năm 2020 (mạng lưới thủy lợi, cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải; xử lý chất thải rắn và nghĩa trang)	1:100.000
10	Bản đồ hiện trạng phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật mạng lưới cấp điện tỉnh Tuyên Quang năm 2020	1:100.000
11	Bản đồ hiện trạng phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật tỉnh Tuyên Quang năm 2020 (thông tin và truyền thông)	1:100.000

STT	Tên bản đồ	Tỷ lệ
12	Bản đồ hiện trạng thăm dò, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên tỉnh Tuyên Quang năm 2020	1:100.000
13	Bản đồ hiện trạng bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học; phòng, chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu tỉnh Tuyên Quang năm 2020	1:100.000
14	Bản đồ đánh giá tổng hợp đất đai theo các mục đích sử dụng năm 2020 tỉnh Tuyên Quang	1:100.000
15	Bản đồ phương án quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:100.000
16	Bản đồ phương án tổ chức không gian và phân vùng chức năng tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:100.000
17	Bản đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (văn hóa, thể thao và du lịch)	1:100.000
18	Bản đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 - 2030 tầm nhìn đến năm 2050 (giáo dục và đào tạo; giáo dục nghề nghiệp; an sinh xã hội)	1:100.000
19	Bản đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 - 2030 tầm nhìn đến năm 2050 (y tế, khoa học và công nghệ)	1:100.000
20	Bản đồ phương án phát triển khu công nghiệp, cụm công nghiệp; thương mại dịch vụ và nông, lâm nghiệp tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:100.000
21	Bản đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật mạng lưới giao thông tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:100.000
22	Bản đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật mạng lưới thủy lợi, cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải; xử lý chất thải rắn và nghĩa trang tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:100.000

STT	Tên bản đồ	Tỷ lệ
23	Bản đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật mạng lưới cấp điện tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:100.000
24	Bản đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật thông tin và truyền thông tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:100.000
25	Bản đồ phương án quy hoạch sử dụng đất tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:100.000
26	Bản đồ phương án thăm dò, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:100.000
27	Bản đồ phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, phòng, chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:100.000
28	Bản đồ phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 Vùng 1: vùng liên huyện Yên Sơn, Sơn Dương	1:100.000
29	Bản đồ phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 Vùng liên huyện 2 - Lâm Bình, Na Hang, Chiêm Hóa, Hàm Yên	1:100.000
30	Bản đồ vị trí các dự án và thứ tự ưu tiên thực hiện tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:100.000